

Ni giới Việt Nam với phong trào “cởi áo cà sa khoác chiến bào” trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước

ISSN: 2734-9195 09:05 18/10/2025

Có thể nói, sự tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của các Ni giới được coi là những nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường, anh dũng, bất khuất và dạt dào lòng thương dân, yêu nước.

Tác giả: **ThS. Nguyễn Hữu Phúc (1) - CN. Nguyễn Đăng Mạnh (2)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Bối cảnh và động cơ tham gia phong trào giải phóng dân tộc của Ni giới Phật giáo trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Bối cảnh Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một giai đoạn lịch sử đầy cam go, khốc liệt, đau thương nhưng cũng rất là anh dũng. Sau Hiệp định Genève (1954), đất nước bị chia cắt thành hai miền, miền Nam Việt Nam dưới sự cai trị của chính quyền Ngô Đình Diệm và sự hậu thuẫn của Mỹ, đã đối mặt với một cuộc chiến tranh kéo dài và ác liệt. Tại Nam Bộ, chính quyền Sài Gòn đã thi hành nhiều chính sách nhằm duy trì và củng cố quyền lực, đồng thời đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân. Nhằm truy lùng, bắt bớ và tiêu diệt những người được cho là cộng sản hoặc có cảm tình với cộng sản, chính quyền Sài Gòn đã thi hành mạnh mẽ chính sách “tố cộng, diệt cộng” nhằm đàn áp phong trào cách mạng và nhân dân miền Nam.

Để phục vụ cho chính sách “tố cộng, diệt cộng” và tiêu diệt phong trào yêu nước, phong trào cách mạng, phong trào đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève của nhân dân miền Nam, chính quyền Sài Gòn đã mở nhiều cuộc hành quân càn quét với quy mô lớn nhằm khủng bố đàn áp cán bộ và nhân dân. Đồng thời, chính quyền Sài Gòn còn buộc người dân phải tố giác “Việt

cộng” nếu không tố giác sẽ chịu tội như đồng lõa.

Với mạng lưới tố cộng được giăng khắp nơi từ làng xóm thôn quê đến phố phường thành thị, không lâu sau đó là hàng ngàn người mà Ngô Đình Diệm cho là “Cộng sản” hoặc có liên quan Cộng sản được chính quyền Sài Gòn đưa đến những “trung tâm cải huấn” để “tẩy não” và ép buộc họ phải “xé cờ Đảng”, tuyên bố “li khai Cộng sản”, tố cáo “tội ác của Cộng sản”... (3). Ngoài ra, chính quyền Ngô Đình Diệm còn xây dựng các ấp chiến lược, khu trù mật, khu dinh điền để chiếm đất, giành dân, kiểm soát nông thôn, phá hoại hậu phương và căn cứ cách mạng, tiến tới cô lập hoàn toàn lực lượng cách mạng và ngăn chặn sự liên hệ giữa người dân với lực lượng cách mạng.



Hình minh họa (nguồn: Internet)

Rõ ràng là chính sách “tố cộng, diệt cộng” với những biện pháp dã man, thâm độc của Mỹ - Diệm trong những năm 1955-1958 đã gây ra cho cách mạng và nhân dân miền Nam biết bao khó khăn, tổn thất. Các cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng bị thiệt hại nghiêm trọng, điều này khiến phong trào đấu tranh của quần chúng bị lắng xuống trước bạo lực của kẻ thù.

Theo sự thống kê của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, tính đến năm 1958, trên toàn miền Nam, chính quyền Sài Gòn giết hại khoảng 68.000 cán bộ, đảng viên (tính trung bình cứ 3-5 gia đình cách mạng có 1 người bị giết), đã bắt giam 466.000 người và tra tấn thành thương tật 680.000 người yêu nước (4). Những chính sách này đã gây ra nhiều khó khăn, đau khổ cho người dân miền Nam, đồng thời tạo ra mâu thuẫn sâu sắc trong xã hội, dẫn đến sự phản kháng và bùng nổ của phong trào Đồng khởi năm 1960.

Mặc dù, chính quyền Sài Gòn ra sức rêu rao về một chính quyền Cộng hòa, tự do, dân chủ, nhưng thật chất mọi chính sách đang hướng đến mục tiêu bót nghet sự tự do, dân chủ, trong đó có tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm vào năm 1963. Nét đặc trưng trong đời sống của xã hội miền Nam thời kỳ Mỹ xâm lược là xã hội đa tôn giáo. Ngoài Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, ở Nam Bộ còn là nơi phát tích của nhiều tôn giáo nội sinh khác như: Cao Đài, Phật giáo Hòa Hòa, Phật giáo Khất sĩ, Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Đặc biệt, dưới thời của chính quyền Ngô Đình Diệm, đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo đều có lực lượng vũ trang riêng, âm mưu biết vùng đất có đông đảo tín đồ của họ thành khu tự trị.

Trước tình hình đó, để thu tóm quyền hành thực hiện âm mưu chống Cộng của Mỹ - Diệm, chính quyền Ngô Đình Diệm kêu gọi các giáo phái hợp nhất lực lượng vũ trang và sáp nhập vào quân đội Việt Nam cộng hòa. Khi biện pháp kêu gọi không được các giáo phái ủng hộ, chính quyền Sài Gòn thực hiện một số thủ đoạn và những cuộc đàn áp đẫm máu như: Cắt những khoản tài trợ cho các giáo phái, đánh vào hoạt động kinh tế của họ, đưa tay chân cốt cán xâm nhập vào hàng ngũ những người đứng đầu giáo phái để mua chuộc, chia rẽ. Những bộ phận của từng giáo phái có hành động chống đối đều bị Ngô Đình Diệm huy động quân đàn áp, khủng bố, đánh dẹp (5).

Ngoài ra, chính quyền Ngô Đình Diệm còn sử dụng Đạo dụ số 10 (6) coi các tôn giáo ngoài Công giáo là hiệp hội. Đạo dụ này có mục đích là quản lý các tôn giáo ngoài Công giáo, coi họ như các tổ chức, hiệp hội, thay vì công nhận họ là các tôn giáo bình đẳng. Điều này thể hiện sự phân biệt đối xử với các tôn giáo khác, đặc biệt là Phật giáo, trong bối cảnh chính quyền Ngô Đình Diệm ưu ái Công giáo. Đây cũng chính là nguyên nhân bùng nổ các cuộc đấu tranh của đồng bào các tôn giáo ở miền Nam Việt Nam, trong đó có Phật giáo đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn và Mỹ thực thi chính sách bình đẳng tôn giáo, đòi các quyền tự do, dân chủ thực sự.

2. Ni giới với phong trào “cởi áo cà sa khoác chiến bào” nhập thế và đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc giải phóng dân tộc (1954-1975)

“Nguyện dâng hiến trọn đời mình.

Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương”,

Đây là hai câu thơ của Ni trưởng Huỳnh Liên nói lên tinh thần nhập thế, đồng hành cùng dân tộc của Tăng, Ni, Phật tử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu

nước. Đối với Ni giới, ở miền Bắc các vị ni sư tích cực tham gia phong trào kháng chiến, kiến quốc, tiếp tục ủng hộ miền Nam đánh Mỹ. Ở miền Nam, đến đầu thế kỷ XX, nhiều Ni sư đã có công lao đóng góp cho công cuộc đấu tranh chống kẻ thù, bảo vệ nền độc lập cho dân tộc, có thể kể đến ba nhân vật như: Ni sư Diệu Thông, Sư bà Diệu Không và Ni trưởng Huỳnh Liên.

2.1 Ni sư Diệu Thông



Ni trưởng Thích nữ Diệu Thông (giữa) chụp ảnh lưu niệm cùng các đồng chí trong Ban Liên lạc Tỉnh báo Quốc phòng tại An Giang (ảnh: Internet)

Biệt động Sài Gòn là cái tên khiến xuất hiện trong cuộc kháng chiến chống Mỹ khiến kẻ thù phải hoang mang với những trận đánh cảm tử, làm nên những chiến thắng vẻ vang. Trong đội quân ấy có một nữ chiến sĩ “đầu không có tóc, y phục màu lam”, góp phần làm nên tên tuổi của “Biệt động Sài Gòn”. Đó là Ni trưởng Thích nữ Diệu Thông, tên thật là Phạm Thị Bạch Liên, sinh năm 1931 tại quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp).

Trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Sài Gòn luôn là điểm nóng của cuộc chiến, tại đây Ni sư Diệu Thông đã từng là cán bộ giao liên và trinh sát Biệt động Sài Gòn. Ni sư đã tìm mọi cách để móc nối, liên hệ với các tổ chức yêu nước trong thành phố. Vì để có thể qua mặt được kẻ thù và dễ dàng hoạt động cách mạng nên bà Bạch Liên đã xin tiền cha mẹ xây dựng ngôi chùa mái lá mang tên Bốn Nguyên (sau đổi tên thành chùa Tam Bảo). Ngôi chùa trở thành căn cứ cách mạng, nơi lo quân lương, in ấn các truyền đơn, tài liệu, nuôi giấu chiến sĩ cách mạng. Từ đó, cuộc đời tu tập của Ni sư Diệu Thông bước sang trang mới, bà trở thành chiến sĩ của lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định, thuộc đơn vị F100. Tại đây, Ni sư đã làm nhang, đèn bán nhằm tạo nguồn

tiền cho đội “biệt động thành” hoạt động và làm nhiệm vụ trinh sát lấy thông tin. Ni sư được sự phân công của tổ chức đã thâm nhập vào hàng ngũ của địch, vẽ sơ đồ nhiều địa điểm do địch chiếm đóng để thông báo cho đội “biệt động thành” xây dựng kế hoạch tiến công, trong đó có nhiều trận do bà trực tiếp chỉ huy.



Ngày 25/4/2023, Ban Tôn giáo – Sở Nội vụ tỉnh An Giang phối hợp với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh tổ chức Đoàn Công tác đến thăm, tặng quà Ni trưởng Thích nữ Diệu Thông tại chùa Thất Bửu, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành nhân kỷ niệm 48 năm, ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023).

Ảnh: Internet

Nhiều trận đánh của Biệt động Sài Gòn luôn có bóng dáng lam y của Ni sư Diệu Thông liên tục làm cho địch hoang mang, cảnh giác. Đó là trận đánh Trạm biến điện cao thế góc trường đua Phú Thọ tháng 5-1969, trận đánh cư xá hạ sĩ quan độc thân (thành Poloma) tháng 7-1969.... Sau nhiều lần điều tra, lòng sục tung tích, quân địch đã nhiều lần bao vây chùa Bốn Nguyên để bắt bà nhưng không thành. Quá tức giận, chúng bèn đốt cháy chùa Bốn Nguyên để bà không quay về đây hoạt động. Sau một thời gian mật phục, kẻ thù đã bắt được Ni sư và giam cầm bà. Bọn chúng tra tấn bà rất dã man, dùng nhiều lời lẽ “chiêu dụ” nhưng đều thất bại vì không lấy được thông tin gì ở người nữ chiến sĩ đầy bản

lĩnh Phạm Thị Bạch Liên. Không khai thác được gì, không đủ chứng cứ kết tội, địch buộc phải thả Ni ra. Ra tù về với đồng đội, bà tiếp tục công tác tại đội “biệt động thành” cho đến ngày đất nước được hoàn toàn thống nhất (7).

2.2 Sư bà Diệu Không

Sư Bà Diệu Không, thế danh Hồ Thị Hạnh, sinh năm 1905 trong một gia đình quyền quý có cha là Đông các Đại học sĩ, Khánh Mỹ quận công Hồ Đắc Trung và cụ bà Châu Thị Ngọc Lương, người làng An Truyền, huyện Phú Vang, thành phố Huế. Suốt cuộc đời, Sư bà không chỉ dốc tâm tu học và xiển dương Chánh pháp, mà còn có những đóng góp tích cực trong phong trào đấu tranh chống Mỹ, cứu nước.



(Ảnh: Internet)

Trong pháp nạn Phật giáo năm 1963, Sư Bà đã thể hiện dũng của người tu khi quyết tâm đấu tranh chống lại chính sách kì thị Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Với niềm tin mạnh mẽ vào Phật pháp, đặc biệt tinh thần vô ngã vô úy, Sư Bà đã chính thức gửi đơn đề đạt nguyện vọng tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo và lên đường vào Nam cùng chị ruột mình là bà Ưng Úy (Sư bà Diệu Huệ) nhưng không được Hòa thượng Thích Quảng Đức tán thành, vì Ngài đã quyết định tự thiêu. Vì mình không được tự thiêu và biết được tin Hòa thượng Thích Quảng Đức, Sư bà vô cùng cảm động và viết một bài thơ Khóc Ngài Quảng Đức để bày tỏ tấm lòng của mình:

*“Thầy ơi! Con biết tính sau đây
Lẽ kính lòng đau trước thánh thầy
Lửa dậy lưng trời, thân chẳng động
Dầu loang khắp đất, ý không lay
Tiêu diêu cõi Tịnh, Thầy theo Phật
Lặn độn trần lao con nhớ Thầy
Phật tử Việt Nam còn nhớ mãi
Nét son lịch vẫn không phai” (8).*

Rõ ràng là, giữa lúc Phật giáo bị chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp, để bảo vệ Chánh pháp, Sư bà Diệu Không với tâm nguyện tự thiêu đã thể hiện rõ lí tưởng Bồ tát đạo, nhập thế một cách tối đa chỉ vì đạo pháp, vì dân tộc như những dòng hồi kí mà Sư bà đã ghi: *“Vì sống dưới chế độ bất công, thiên vị nên chúng tôi muốn cúng dường thân này để kêu gọi lẽ phải của loài người trở lại với lương tri, đừng dùng thế lực mạnh mà đàn áp kẻ yếu”* (9). Mặc dù, tâm nguyện này không thực hiện được nhưng phải khẳng định rằng, sự tự thiêu của Sư bà đã thể hiện rõ tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam, xả thân vì đạo pháp và dân tộc.

Xuyên suốt trong phong trào đấu tranh Phật giáo miền Nam năm 1963, Sư bà Diệu Không lúc nào cũng thể hiện thái độ quyết liệt, mạnh mẽ với chính quyền Ngô Đình Diệm. Tiêu biểu nhất là trong một lần trả lời phái đoàn Liên Hợp quốc tại chùa Xá Lợi có cả thân mẫu ông Bửu Hội, khi phái đoàn hỏi có phải ông Bửu Hội nói Phật giáo bắt buộc người tự thiêu để tranh đấu, Sư Bà đã trả lời: *“Chúng tôi tự nguyện có giấy hãn hoi, chứ không ai bắt buộc!”* (10). Khi được hỏi vì sao các bà tự nguyện tự thiêu để tranh đấu, Sư Bà trả lời: *“Vì sống dưới chế độ bất công, thiên vị nên chúng tôi muốn cúng dường thân này để kêu gọi lẽ phải của loài người trở lại với lương tri, đừng dùng thế lực mạnh mà đàn áp kẻ yếu”*¹⁰. Đặc biệt, Sư bà đã sẵn sàng từ bỏ con, cháu nếu ủng hộ Chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo. Điều này thể hiện rõ qua trả lời câu hỏi nếu ông Bửu Hội đứng về phe ông Diệm, các bà nghĩ sao? Sư Bà đã nhất quyết trả lời: *“Thì chúng tôi sẽ từ nó, không nhận nó là con, là cháu trong gia đình chúng tôi nữa vì gia đình chúng tôi đều là Phật tử cả”* (11). Bên cạnh đó, Sư bà còn đứng về phía và ủng hộ cho các hoạt động đấu tranh của Đoàn Sinh viên Phật tử của Đại học Huế. Với tinh thần dũng cảm của mình, Sư bà đã trực tiếp ủng hộ, tiếp tục lăn xả với phong trào đấu tranh của tăng ni, phật tử tại Huế mà không chút do dự,

sợ hãi trước xe tăng, súng ống, dùi cui. Sư bà thường xuyên tiếp tế, trợ lực tinh thần trong quá trình tuyệt thực gặp khó khăn và trở ngại (12).

2.3 Ni trưởng Huỳnh Liên

Ni trưởng Huỳnh Liên tên thật là Nguyễn Thị Trừ sinh ngày 19/03/1923 tại làng Phú Mỹ, thành phố Mỹ Tho tỉnh Định Tường, nay là tỉnh Tiền Giang. Ni trưởng là trưởng nữ trong một gia đình làm nghề nông có truyền thống theo Phật giáo. Thân phụ là cụ Nguyễn Văn Vận, Pháp danh Thiện Trí và thân mẫu là cụ bà Lê Thị Thảo, đã xuất gia thọ Tỳ Kheo Ni trong Ni giới Hệ phái Khất sĩ, Pháp danh là Thiện Liên.



(Ảnh: Internet)

Vốn xuất thân trong một gia đình nhiều đời theo Phật giáo và nếp sống chân chất của nông nghiệp, mà tâm hồn của Ni trưởng luôn được thanh thoi, chẳng đua chen danh lợi, đức tính vì thế cũng điềm đạm, hiền hoà, đặc biệt là người có một tấm lòng từ bi luôn yêu thương từng loài vật nhỏ. Lớn lên và trưởng thành trong bối cảnh nước mất nhà tan ngập tràn chiến tranh, sự đàn áp, bóc lột bất công của chính quyền thực dân Pháp đối với nhân dân, nên ngay khi còn đời sống tại gia, Người đã tham gia trong công cuộc giành chính quyền cùng với các chị em phụ nữ tại Tiền Giang. Do vậy mà khi Ni lên 10 tuổi đã lập nguyện tu hành, quyết xa cuộc sống trần tục theo đúng với tinh thần thị hiện của Đức Phật: “Sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài người” (13). Vì là người mến mộ Tổ Sư Minh Đăng Quang (14) nên khi nghe được tin Tổ sư đến hoằng truyền giáo pháp tại chùa Linh Bửu (làng Phú Mỹ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Định Tường, nay là tỉnh Tiền Giang), Ni đã không bỏ cơ duyên để tìm hiểu học đạo nên đã rủ thêm hai người bạn cùng đồng hành là Võ Thị Hiến (Ni trưởng Nhị) và Huỳnh Thị

Mạnh (Ni trưởng Tam). Bằng tuệ nhãn, Tổ sư Minh Đăng Quang đã phát hiện căn tu khi ba người mới gặp lần đầu, vì thế mà được Đức Tổ Sư chứng minh làm lễ xuất gia vào ngày 1 tháng 4 Âm lịch (1947) tại chùa Linh Bửu với pháp danh Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên, Ni trưởng Thanh Liên (15). Thực hiện theo đúng hạnh nguyện của Tổ Sư, Ni sư đã kiên trì hướng dẫn Ni chúng làm theo Đạo pháp, vân du đến nhiều nơi để giảng pháp, giáo hoá chúng sanh.

Xuất phát từ nguyên lý cứu khổ, cứu nạn của Phật giáo, trong giai đoạn 1960-1975, Ni trưởng tích cực cùng Giáo hội Phật giáo và đồng bào đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc. Đặc biệt vào những năm 1960, khi Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo, mà cao điểm là năm 1963, với tư cách là người đứng đầu Ni giới Khất sĩ, Ni trưởng đã đặt ra câu hỏi rằng:

*“Đau lòng tự hỏi liên miên,
Tu chờ người chết cầu lên cõi nào?”.*

Còn trong bài thơ *Tôi yêu Phật giáo Việt Nam*, Ni trưởng Huỳnh Liên cũng đã trả lời rằng:

*“Nguy thị hộ nước cứu dân,
An thời khoác áo am vân tu trì”.*

Đứng trước việc chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện Đạo dụ số 10, thi hành chính sách kỳ thị, đàn áp Phật giáo, Ni trưởng đã liên lạc, lãnh đạo toàn Ni giới trực tiếp tham gia các phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng và các quyền dân sinh, dân chủ của Phật giáo, của sinh viên học sinh và nhân dân Sài Gòn - Gia Định. Các phong trào này đã có ảnh hưởng sâu rộng đến các tỉnh Trung Bộ như: Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Gia Lai,... và các tỉnh Nam Bộ như Cần Thơ, Sa Đéc, Sóc Trăng,... Song, mốc thời gian đánh dấu cho bước phát triển các hoạt động yêu nước của mình, đó là việc Ni trưởng Huỳnh Liên tham gia thành lập và giữ vai trò cố vấn cho phong trào phụ nữ đòi quyền sống, được ra mắt vào chúa Ấn Quang ngày 2/8/1971 và trụ sở của phong trào đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương.

Từ năm 1970, địch đàn áp khốc liệt, bắt giam lãnh đạo của phong trào Phụ nữ đòi quyền sống, Mặt trận Nhân dân tranh thủ Hòa bình, phong trào như rắn không đầu. Ni trưởng đã dũng cảm đứng ra nhận lãnh trách nhiệm, tiếp tục cùng các đoàn thể khác đấu tranh bằng những biện pháp hết sức thông minh, linh hoạt, làm cho địch phải điên đầu. Và từ đó danh hiệu “Đội quân đầu tròn” bên cạnh danh hiệu “Đội quân tóc dài” đã hiên ngang đi vào lịch sử đấu tranh

của dân tộc. Ngoài ra, Ni trưởng còn nuôi dưỡng cán bộ tù chính trị từ Côn Đảo về Thành phố, ủng hộ giúp đỡ tài, vật cho các cơ sở cách mạng. Có thể khái quát về quá trình đấu tranh của Ni trưởng Huỳnh Liên trong hai năm 1970-1971 như sau:

Thời gian	Sự kiện
Ngày 18/10/1970	Ni trưởng tổ chức cuộc lễ “Xuống tóc vì hòa bình”
Ngày 25/10/1970	Ni sư cùng với lực lượng các giới tham gia các cuộc mít tinh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn.
Ngày 07/11/1970	Ni sư tổ chức mít tinh ra Tuyên ngôn 10 điểm vì hòa bình của Mặt trận Nhân dân tranh thủ dân chủ hòa bình
Ngày 22/11/1970	Ni sư cùng với Ban lãnh đạo phong trào thành lập Chi nhánh phong trào đòi quyền sống phụ nữ ở Cần Thơ
Ngày 01/01/1971	Ni sư tham gia cùng phong trào học sinh, sinh viên, phong trào dân tộc tự quyết, Ủy ban cải thiện chế độ lao tù tổ chức mít tinh, điều hành đòi thả tù chính trị
Ngày 05/01/1971	Phối hợp với Hội phụ nữ quốc tế, Ni sư lên án chiến tranh, đòi lập lại hòa bình ở Việt Nam
Ngày 07/04/1971	Ni sư tổ chức họp báo với đề tài “Nhân dân đòi cơm áo, Phật giáo đòi Hòa bình” “Nông dân đòi quyền sống”, đòi lại ruộng đất đã bị kẻ thù cướp đoạt để xây dựng các công trình phục vụ chiến tranh
Ngày 02/08/1971	Tại chùa Ấn Quang, Ni sư tham gia thành lập và giữ vai trò cổ vũ cho phong trào Phụ nữ đòi quyền sống.
Ngày 06/09/1971	Ni sư đấu tranh buộc Chính quyền Sài Gòn phải thả bà Ngô Bá Thành - Chủ tịch phong trào Phụ nữ đòi quyền sống
Ngày 18/09/1971	Ni sư phối hợp với đồng bào Công Giáo tố cáo các chính sách thâm độc của Mỹ, nhân sự có mặt của Thượng Nghị sĩ Mác Govern tại Nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế đường Kỳ Đồng. Phối hợp với sinh viên, học sinh Sài Gòn, Gia Định chống “Quân sự hóa học đường”

Cuối năm 1971 đến đầu năm 1975, phong trào đấu tranh tiếp tục diễn ra sôi động với mục tiêu rõ rệt là đòi dân quyền, dân sinh, dân chủ, đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, đòi thả tù nhân chính trị; đòi ngụy quyền thực hiện hiệp định Paris, đòi hòa bình, hòa giải hòa hợp dân tộc. Đặc biệt trong hai năm cuối cùng (1973 - 1975) trước ngày đất nước hoàn toàn giải phóng là giai đoạn gay go, gian khổ và khó khăn nhất đối với Ni trưởng. Vì kẻ bao vây, cô lập, hăm dọa làm lung lạc tinh thần của chư Ni, do đó, Ni trưởng phải vận dụng mọi nỗ lực của mình để lèo lái, vượt qua thử thách khó khăn. Ngày 4/10/1974, Phối hợp với Ủy ban chống tịch thu báo chí tổ chức mít tinh tại chợ Bến Thành để phản đối chính quyền Sài Gòn tịch thu báo và tiến hành “Đọc báo nói cho đồng bào tôi nghe” qua loa đài. Ni sư còn tham gia “Ngày ký giả ăn mày”, mang bị gậy diễu hành quanh chợ Bến Thành rồi đến mít tinh trước Hạ nghị viện vào ngày 10/10/1974.



Phong trào "Ba sẵn sàng" thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
(ảnh: Internet)

Chiến tranh leo thang, mở rộng và ngày càng ác liệt, số người nghèo khó, mồ côi, tàn tật ngày càng đông. Với tinh thần tích cực nhập thế, Ni sư đặc biệt quan tâm chăm lo con đường từ thiện xã hội như nhận nuôi dưỡng hàng trăm trẻ mồ côi, mở trường dạy học từ thiện miễn phí cho nhiều địa phương, vận động các đệ tử tham gia úy lạo các bệnh viện, chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ cách mạng. Người đã cổ động Ni chúng và Phật tử nhìn ăn, nhìn mặc, nhìn tiêu, góp phần ủng hộ tài vật để giúp đồng bào đang lúc khó khăn. Sự nghiệp từ thiện nhân đạo của Ni trưởng càng được đẩy mạnh và mở rộng sau ngày thống nhất đất nước. Ni trưởng đã tích vận động chư Ni, Phật tử nỗ lực đóng góp dài hạn cho Ni trưởng để thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, phúc lợi xã hội và tuyển đầu Tổ quốc, giúp đỡ người già, người tàn tật, trẻ mồ côi,... bằng nhiều hành động cụ thể như viếng thăm, tặng quà vào những ngày Rằm lớn. Các địa điểm thực hiện là Bệnh viện Quân y 175, Trại cùi Bến Sắn, Trại cùi Thủ Thiêm, Dưỡng trí viện Biên Hòa, Nhà tinh thần Gò Vấp, Trường mầm non 4 Gò Vấp, Nhà nuôi người già Thị Nghè, Nhà người người già Xóm Mới,... Ni Trưởng còn nhiệt tình hưởng ứng và tích cực vận động quý Sư Cô, Ni Cô hai miền Trung Nam tiết kiệm mua công trái xây dựng Tổ quốc trong nhiều đợt, thiên tai bão lụt miền Bắc 1985, miền Trung 1986. Đặc biệt Bệnh viện Quân y 175, kết nghĩa với Tịnh xá Ngọc Phương được Ni Trưởng luôn luôn quan tâm giúp đỡ và tặng quà thường xuyên (16). Có thể nói đây là khoảng thời gian, Ni sư sát cánh cùng với nhân dân đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn giải quyết các yêu sách chính

đáng. Từ đó danh hiệu hình ảnh các nữ nhà sư đi vào lịch sử đấu tranh anh hùng, bất khuất của phụ nữ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược thế kỷ XX được cả thế giới biết đến với sự kính trọng và khâm phục. Chính cố Hòa thượng Thiện Hoa đã phát biểu tại Tịnh xá Ngọc Phương: *“Nơi nào có bất công là nơi đó có Ni trưởng Huỳnh Liên đấu tranh, nơi nào có lựu đạn cay là nơi nào đó có hình ảnh của Ni trưởng Huỳnh Liên”* (17). Đúng như sự đánh giá của Hòa thượng Thiện Hoa đã khẳng định Ni trưởng Huỳnh Liên là bà không chỉ là một người làm tròn nhiệm vụ của một người con của Phật, mà còn gánh vác trách nhiệm đối với dân tộc, đã cùng sát cánh với nhân dân trong những thời khắc quan trọng.

3. Kết luận

Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược là một cuộc đọ sức không cân xứng giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với một chính quyền hiếu chiến, với nền kinh tế, khoa học, quân sự, hùng mạnh nhất trong thế kỷ XX. Trong cuộc kháng chiến đầy khốc liệt này, hình ảnh người phụ nữ hiện lên với những nét bình dị, vừa anh dũng, kiên cường, vừa đảm đang tay cày, tay súng góp phần vào sự thắng lợi chung của quân và dân ta. Họ chính là những bông hoa kiên cường mọc vững trong sự gian khổ, luôn tỏa hương khoe sắc giữa mưa bom đạn, rồi làm nên vẻ đẹp bất diệt của một dân tộc yêu chuộng hòa bình.

Nối tiếp truyền thống yêu nước nồng nàn của phụ nữ Việt Nam “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh” và phát huy tinh thần “nhập thế” của Phật giáo, Ni sư Diệu Thông, Sư bà Diệu Không và Ni trưởng Huỳnh Liên không chỉ làm tròn bốn phận của người con Phật, “tiếp lửa” cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn, mà còn là một công dân có trách nhiệm với đất nước, đấu tranh không biết mệt mỏi cho độc lập dân tộc. Có thể nói, sự tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của các Ni giới được coi là những nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường, anh dũng, bất khuất và dạt dào lòng thương dân, yêu nước. Những hoạt động đấu tranh cho sự nghiệp đấu tranh và giải phóng nước nhà của chúng Ni là bài học cho thế hệ sau luôn phải ý thức trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là như bức thông điệp không chỉ dành riêng cho người con của Phật mà đối với người Việt phải luôn noi theo và học theo để đưa đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, phát triển và thịnh cường.

Tác giả: **ThS.Nguyễn Hữu Phúc - CN.Nguyễn Đăng Mạnh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Hội Khoa học Lịch sử thành phố Huế

2) Trường Đại học Đông Á

3) Thái Văn Thơ (2018), “Xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới Đồng khởi ở Gia Định (1955-1960)”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Tập 15, số 2, tr. 174.

4) Phan Huy Lê (Chủ biên, 2017), Vùng đất Nam Bộ - quá trình hình thành và phát triển, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 706.

5) Nguyễn Hồng Dương (2016), Ngô Đình Diệm ra tay tàn độc với tôn giáo, tín ngưỡng, truy cập tại địa chỉ: <https://chiasekienthucnet.wordpress.com/2016/12/11/11998/>, ngày 18/8/2025.

6) Đạo Dục số 10 được ban hành ngày 6/8/1950 dưới thời Bảo Đại làm Quốc trưởng. Dục này có tất cả 5 chương 45 điều, quy định tổ chức và thành lập các hiệp hội. Trong đó điều khoản 44 có quy định “Chế độ đặc biệt dành cho các hội truyền giáo Thiên Chúa Giáo và Gia Tô, các Hoa kiều Lý Sự Hội, sẽ được ấn định sau”, đặt các Hội Truyền giáo Thiên Chúa Giáo, Gia Tô, các Hoa kiều Lý Sự Hội ra khỏi sự điều chỉnh của đạo dục này.

7) PNVN (2022), Sự hòa quyền giữa “đạo pháp” và “dân tộc” trong cuộc đời hoạt động cách mạng của ni sư Huyền Trang, truy cập tại địa chỉ: <https://hoilhpn.org.vn/CmsView-EcolT-portlet/html/print cms.jsp?articleId=46589>, ngày 12/8/2025.

8) Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), Sư bà Thích nữ Diệu Không (Hồi kí) Đường thiền sen nở, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr. 105.

9) Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), Sư bà Thích nữ Diệu Không (Hồi kí) Đường thiền sen nở, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr. 103.

10) Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), Sư bà Thích nữ Diệu Không (Hồi kí) Đường thiền sen nở, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr. 99.

11) Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), Sư bà Thích nữ Diệu Không (Hồi kí) Đường thiền sen nở, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr. 103.

12) Dương Hoàng Lộc (2013), “Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không trong phong trào đấu tranh Phật giáo ở miền Nam năm 1963”, in trong *Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam 1963*, Nxb. Phương Đông, tr. 133.

13) Minh Châu dịch (1992), *Kinh Trung Bộ*, tr.101.

14) Tổ sư Minh Đăng Quang (1923-?), thế danh Nguyễn Thành Đạt, quê ở làng Phú Hậu, tổng Bình Phú, quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp 6, xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long). Ngài được xem là vị sơ Tổ khai sáng đạo Phật Khất sĩ Việt Nam được sáng lập vào giữa thập niên 40 thế kỉ XX.

15) Cùng với Ni trưởng Bửu Liên, Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên, Ni trưởng Thanh Liên là bốn đoá sen thanh khiết đầu tiên của Ni giới Khất sĩ. Dẫn theo Ni trưởng Tịnh Nghiêm, Ni sư Tuyết Liêm (đồng chủ biên) (2019), *Ni giới Việt Nam - Ni giới Tiền Giang - Tiếp bước tiền nhân, phát huy chánh pháp*, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 41.

16) *Ni giới Khất sĩ* (2015), *Tiểu sử Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)*, truy cập tại địa chỉ: <https://nigioikhatsi.net/tieu-su-nt-huynh-lien/tieu-su-ni-truong-huynh-lien.html>, ngày 15/8/2025.

17) Thích Minh Thiện (2022), “Ni trưởng Huỳnh Liên: cống hiến cho đất nước và dân tộc”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Ni trưởng Huỳnh Liên*, quyển 2, *Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, Hệ phái Khất sĩ, Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 41.

Tài liệu tham khảo:

1] Minh Châu dịch (1992), *Kinh Trung Bộ*.

2] Nguyễn Hồng Dương (2016), *Ngô Đình Diệm ra tay tàn độc với tôn giáo, tín ngưỡng*, truy cập tại địa chỉ: <https://chiasekienthucnet.wordpress.com/2016/12/11/11998/>, ngày 18/8/1025.

3] Phan Huy Lê (Chủ biên, 2017), *Vùng đất Nam Bộ - quá trình hình thành và phát triển*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

4] Dương Hoàng Lộc (2013), “Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không trong phong trào đấu tranh Phật giáo ở miền Nam năm 1963”, in trong *Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam 1963*, Nxb. Phương Đông.

5] Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), *Sư bà Thích nữ Diệu Không (Hồi kí) Đường thiền sen nở*, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.

- 6] Ni giới Khất sĩ (2015), *Tiểu sử Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)*, truy cập tại địa chỉ: <https://nigioikhatsi.net/tieu-su-nt-huynh-lien/tieu-su-ni-truong-huynh-lien.html>, ngày 15/8/2025.
- 7] Ni trưởng Tịnh Nghiêm, Ni sư Tuyết Liêm (đồng chủ biên) (2019), *Ni giới Việt Nam - Ni giới Tiền Giang - Tiếp bước tiền nhân, phát huy chánh pháp*, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
- 8] PNVN (2022), *Sự hòa quyền giữa “đạo pháp” và “dân tộc” trong cuộc đời hoạt động cách mạng của ni sư Huyền Trang*, truy cập tại địa chỉ: https://hoilhpn.org.vn/CmsView-portal/html/print_cms.jsp?articleId=46589, ngày 12/8/2025. EcoIT-
- 9] Thích Minh Thiện (2022), “Ni trưởng Huỳnh Liên: cống hiến cho đất nước và dân tộc”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Ni trưởng Huỳnh Liên*, quyển 2, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, Hệ phái Khất sĩ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 10] Thái Văn Thơ (2018), “Xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới Đồng khởi ở Gia Định (1955-1960)”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, số 2, trang 173-184.
- 11] Nguyễn Thị Bích Thúy (2021), “Phong trào đấu tranh chính trị của phụ nữ Tây Nam Bộ chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965-1968)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 6, trang 35-40.